

Mã số: 379

Ngày nhận: 24/4/2017

Ngày gửi phản biện lần 1: /2017

Ngày gửi phản biện lần 2:

Ngày hoàn thành biên tập: 28/4/2017

Ngày duyệt đăng: 28/4/2017

Ảnh hưởng của chỉ dẫn địa lý tới sự phát triển bền vững ở khu vực nông thôn của Việt Nam

Hoàng Trường Giang

Nguyễn Hoàng Anh¹

Lê Thị Thu Hà²

Phạm Bảo Đăng

Tóm tắt

Bảo hộ chỉ dẫn địa lý ngày càng thu hút được sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu bởi những đóng góp quan trọng của nó vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung và khu vực có sản phẩm được bảo hộ nói riêng. Các khu vực có sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý thường ở vùng nông thôn, tuy nhiên mối quan hệ giữa chỉ dẫn địa lý và sự phát triển của khu vực nông thôn vẫn chưa được đánh giá đầy đủ bằng các nghiên cứu khoa học cụ thể. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn 13 nhà hoạch định chính sách và 6 nhà sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý, nghiên cứu dưới đây chỉ ra những ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của chỉ dẫn địa lý tới các yếu tố chính trong sự phát triển bền vững ở khu vực nông thôn. Bài báo tập trung phân tích ảnh hưởng của chỉ dẫn địa lý tới năm yếu tố của phát triển bền vững dựa theo mô hình PENTAGON bao gồm: kinh tế, xã hội, môi trường, cơ sở hạ tầng, và sáng tạo của địa phương. Bài báo kết luận bằng việc chỉ ra những tác động tích cực và hạn chế của chính sách bảo hộ chỉ dẫn địa lý tới sự phát triển bền vững ở nông thôn, đồng thời đề xuất một số kiến nghị giúp cơ quan quản lý Nhà nước hoàn thiện chính sách bảo hộ và phát triển chỉ dẫn địa lý nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững nông thôn Việt Nam.

Từ khóa: *Chỉ dẫn địa lý, sự phát triển bền vững nông thôn, Việt Nam.*

¹ Khoa KT&KDQT, Trường Đại học Ngoại thương, Email: nguyenhoanganh@ftu.edu.vn

² Khoa KT&KDQT, Trường Đại học Ngoại thương, Email: hachau.ftu@yahoo.com

Abstract

Despite the well-known importance of geographical indications (GIs) to the economy, very few studies have explored the link between GIs and sustainable rural development. This study attempted to contribute to the literature by investigating the relationship between GIs and sustainable rural development in Vietnam, considering roles of the government and producers. We conducted 19 interviews with Vietnamese officials to identify the role of the Government in designing and implementing GIs for sustainable rural development and six GI producers to explore the involvement of local producers in taking advantages of GIs. The results show that GIs has positively contributed to the sustainable rural development in Vietnam; however, disadvantages still remains, which need to be solved with the involvement of both government and local producers. The paper concludes with policy implications to promote GIs protection and management, and sustainable rural development in Vietnam.

Keywords: *Geographical Indications; Sustainable Rural Development; Vietnam*

Giới thiệu

Trước thời kỳ đổi mới năm 1986, khái niệm về chỉ dẫn địa lý chưa được biết đến rộng rãi và chưa được áp dụng tại Việt Nam. Từ năm 1990 đến nay, Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng để chủ động phát triển và tận dụng lợi thế của chỉ dẫn địa lý (Durand & Fournier, 2015). Một trong những lợi thế quan trọng của chỉ dẫn địa lý là góp phần vào sự phát triển của ngành nông nghiệp và từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của khu vực nông thôn. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nghiên cứu cụ thể nào xác định vai trò của chỉ dẫn địa lý đối với sự phát triển của khu vực nông thôn, đặc biệt là sự phát triển bền vững của các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường song song với việc khai thác những cơ hội toàn cầu ở những khu vực này (Akgun, Baycan, & Nijkamp, 2015).

Đã có nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng chỉ dẫn địa lý có thể được sử dụng như là công cụ để khuyến khích phát triển nông nghiệp và kinh tế tại khu vực nông thôn (Durand & Fournier, 2015). Tuy nhiên, giữa lý thuyết và thực tế vẫn còn tồn tại một khoảng cách lớn về ảnh hưởng của chỉ dẫn địa lý đến sự phát triển nông thôn tại Việt Nam. Để đánh giá được tác động này, chúng tôi sử dụng mô hình PENTAGON (Akgun et al., 2015; Gülümser, 2009) để phân tích mối liên hệ giữa việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý và sự phát triển nông thôn bền vững, từ đó trả lời năm câu hỏi chính: (1) *Chỉ dẫn địa lý có những đóng góp những gì cho kinh tế địa phương?*; (2) *Chỉ dẫn địa lý ảnh hưởng như thế nào đối môi trường tự nhiên và hệ sinh thái của địa phương?*; (3) *Chỉ dẫn địa*

lý có những đóng góp gì cho hệ thống sáng tạo địa phương?; (4) Chỉ dẫn địa lý có những đóng góp gì cho cơ sở hạ tầng tại địa phương?; (5) Chỉ dẫn địa lý có những đóng góp gì cho các giá trị xã hội của địa phương?.

Bài báo được chia thành bốn phần chính. Phần đầu tiên khái quát cơ sở lý thuyết liên quan tới chỉ dẫn địa lý và xác định vai trò của Chính phủ Việt Nam trong việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý, đồng thời phân tích cơ sở của sự phát triển nông thôn bền vững. Trong phần 2, chúng tôi trình bày phương pháp nghiên cứu. Phần 3: đánh giá ảnh hưởng của việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý tới năm yếu tố của phát triển nông thôn bền vững dựa trên mô hình PENTAGON. Phần cuối cùng trình bày những giải pháp để Chính phủ Việt Nam có thể cải thiện hệ thống pháp luật trong việc sử dụng chỉ dẫn địa lý như một công cụ chính sách nhằm tăng cường sự phát triển bền vững của khu vực nông thôn.

1. Cơ sở lý thuyết về chỉ dẫn địa lý

1.1. Chỉ dẫn địa lý

Theo quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tại Điều 22, Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS): “Chỉ dẫn địa lý là các chỉ dẫn dùng để phân biệt một sản phẩm hàng hóa xuất xứ từ lãnh thổ của một nước thành viên, hoặc một vùng hay địa phương có chất lượng, uy tín hoặc các tính chất đặc thù khác của sản phẩm có được nhờ xuất xứ địa lý của chúng” (WTO, 1994). Theo hiệp định TRIPS, có 3 điều kiện chính mà một sản phẩm phải thỏa mãn để được bảo hộ chỉ dẫn địa lý: (1) Sản phẩm đó phải liên quan tới một loại hàng hóa nông nghiệp hay phi nông nghiệp cụ thể (tuy nhiên một số quốc gia chấp nhận bảo hộ cả dịch vụ dưới dạng chỉ dẫn địa lý như Singrapore, Croatia, Bahrain, Moldova, Jamaica); (2) Những hàng hóa này phải có nguồn gốc xuất xứ từ một khu vực địa lý cụ thể, và (3) Những hàng hóa này phải có chất lượng, danh tiếng và những đặc tính liên kết rõ ràng với nguồn gốc địa lý của chúng (WTO, 1994). Tất cả những sản phẩm không đáp ứng được 3 điều kiện trên thì đều không được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo Hiệp định TRIPS.

Ở Việt Nam, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và Luật Sửa đổi, và một số điều bổ sung của Luật Sở hữu trí tuệ 2009 hiện được coi là những văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý (Nguyễn et al., 2016). Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng định nghĩa của Luật Sở hữu trí tuệ 2005, theo đó chỉ dẫn địa lý được định nghĩa là “dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể” (Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Điều 4, Khoản 22). Tại Điều 79, Luật Sở hữu trí tuệ quy định rằng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu

đáp ứng được hai điều kiện (1) Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý và (2) Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.

Chỉ dẫn địa lý có mục đích bảo vệ danh tiếng và các đặc trưng của sản phẩm tại một khu vực nào đó. Đồng thời, chỉ dẫn địa lý giúp khách hàng phân biệt chất lượng của những sản phẩm đã được bảo hộ so với các sản phẩm khác (Akerlof, 1970). Bên cạnh việc bảo vệ chất lượng và danh tiếng của sản phẩm, chỉ dẫn địa lý còn giúp các tổ chức và cộng đồng địa phương tự chủ hơn thông qua việc quản lý tập thể để duy trì các yêu cầu về sản phẩm được bảo hộ. Nhờ đó, chỉ dẫn địa lý đồng thời cũng góp phần trong việc kiểm soát giá cả thị trường và hỗ trợ phát triển nông thôn hoặc đóng vai trò trong việc bảo tồn các điều kiện tự nhiên bằng cách nâng cao nhận thức của người sản xuất về vai trò quan trọng của điều kiện tự nhiên trong quá trình sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý (Gangjee, 2012). Những hệ thống sản xuất được sử dụng để sản xuất sản phẩm trước khi được bảo hộ chỉ dẫn địa lý có thể chịu tác động lớn sau khi sản phẩm được bảo hộ bởi những quy định trong bộ nguyên tắc thực hành yêu cầu chặt chẽ về việc áp dụng công nghệ vào sản xuất (Allaire & Sylvander, 1997). Trong thị trường toàn cầu hóa, chỉ dẫn địa lý được coi là tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm, qua đó giúp gia tăng cả về doanh số lẫn giá trị cho sản phẩm (Galtier & Marescotti, 2013). Điều này đã được minh chứng bằng việc người tiêu dùng có xu hướng ưu tiên lựa chọn những sản phẩm có nhãn chỉ dẫn địa lý quen thuộc hoặc không quen thuộc nhưng đã được bảo hộ bởi các tiêu chuẩn nhất định. Nhờ đó, chỉ dẫn địa lý được coi là một công cụ chi phí thấp nhưng hiệu quả để quảng bá sản phẩm nông nghiệp ở nước ngoài (Anders & Caswell, 2009; Bramley, Bienabe, & Kirsten, 2011; Vittori, 2010). Ở nhiều nơi trên thế giới, bảo hộ chỉ dẫn địa lý được coi là một phần không thể thiếu trong chính sách nông nghiệp bởi nó giúp gia tăng doanh thu của người sản xuất bằng cách nâng cao danh tiếng sản phẩm, qua đó thúc đẩy hoạt động nông nghiệp và tăng trưởng của thị trường địa phương. Vì vậy, Chính phủ có thể sử dụng chỉ dẫn địa lý như một công cụ chính sách để thúc đẩy sự phát triển của các khu vực nông thôn.

1.2 Bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam

Phần dưới đây chúng tôi phân tích vai trò của Chính phủ Việt Nam trong việc phát triển chỉ dẫn địa lý dựa trên khung pháp lý và việc phân chia nhiệm vụ giữa chính quyền Trung ương và địa phương.

Xây dựng cơ chế chính sách

Trước khi hệ thống pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý được hình thành, một số chính sách liên quan đã được xây dựng từ trước năm 1995 liên quan tới nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm (Vu & Dao, 2006). Sau đó, trong giai đoạn 1995 đến 2005, khung pháp lý về chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam dần được xây dựng với sự ra đời của Luật SHTT năm 2005 và hàng loạt các nghị định, dự thảo và thông tư. Những luật này quy định trách nhiệm cụ thể của các cấp chính quyền về việc hỗ trợ đăng ký và quản lý chỉ dẫn địa lý.

Đăng ký chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam

Từ năm 1995 đến cuối năm 2016, Việt Nam có 48 chỉ dẫn địa lý được đăng ký bảo hộ, đứng thứ 2 về số lượng trong các quốc gia Đông Nam Á chỉ sau Thái Lan (NOIP, 2016). Trong số các chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ, sản phẩm nông sản và thủ công mỹ nghệ chiếm đa số (Tran, 2014).

Bên cạnh việc xây dựng khung pháp lý và duy trì sự ổn định của pháp luật, Chính phủ Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển chỉ dẫn địa lý thông qua hỗ trợ những dự án chỉ dẫn địa lý và giúp đỡ các hộ sản xuất tận dụng cơ hội và lợi thế mà chỉ dẫn địa lý mang lại. Nhiều chuyên gia được đào tạo theo các chương trình nâng cao nhận thức về tầm ảnh hưởng của chỉ dẫn địa lý được phát triển bằng nguồn vốn của Chính phủ.

Tuy nhiên, sự phân chia trách nhiệm giữa các cấp quản lý chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam vẫn là vấn đề cần được xem xét. Trên lý thuyết, chính quyền Trung ương và địa phương có thể phối hợp với nhau trong việc quản lý chỉ dẫn địa lý, nhưng trên thực tế đôi khi vai trò của cơ quan quản lý Trung ương lấn át vai trò của chính cơ quan quản lý địa phương.

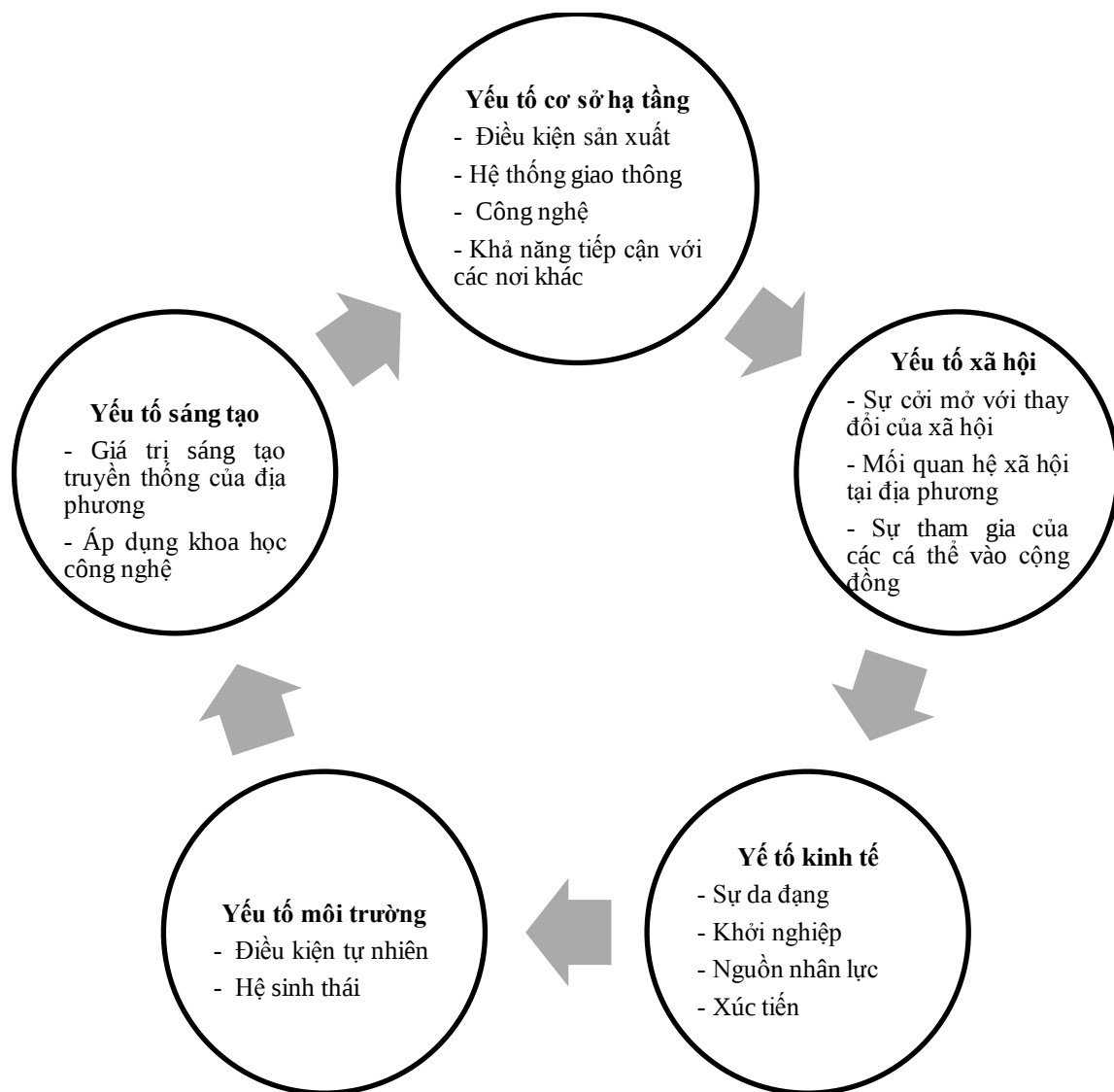
Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý vẫn theo quy định của Luật SHTT, tuy nhiên, việc đăng ký thời gian chủ yếu thực hiện qua các dự án hợp tác với nước ngoài hoặc các dự án phát triển tài sản trí tuệ địa phương (Chương trình 68). Việc thực hiện các dự án này đòi hỏi cả ba yếu tố quan trọng là nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, kỹ thuật và quản lý dự án vì vậy các địa phương thường không đủ năng lực triển khai.

1.3 Phát triển nông thôn bền vững

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, phát triển bền vững là một khái niệm quan trọng trong nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực phát triển nông thôn (Emmanuel, Samuel, & Theophilus, 2007). Phát triển nông thôn bền vững biểu hiện qua sự tiến bộ dài hạn của khu vực nông thôn,

song song với việc nắm bắt những cơ hội toàn cầu (Akgun et al., 2015). Điều này đảm bảo cho các thế hệ tương lai sẽ được hưởng lợi từ các nguồn lực bền vững hiện tại (Emmanuel et al., 2007). Sự phát triển bền vững yêu cầu việc quy hoạch được chuẩn bị kỹ lưỡng và thực hiện đúng cách để tác động đến cả ba trụ cột của tính bền vững đó là xã hội, kinh tế và môi trường tự nhiên (Emmanuel et al., 2007). Có nhiều yếu tố có thể giải thích được cho sự phát triển nông thôn bền vững và hệ thống liên kết giữa tính bền vững và sự phát triển nông thôn nói riêng (Akgun et al., 2015). Theo Berkes, Colding, and Folke (2003), sự thành công trong việc phát triển nông thôn bền vững đòi hỏi sự liên kết giữa các quá trình tự nhiên, các tài nguyên thiên nhiên và các liên kết giữa hệ sinh thái và xã hội.

Trong khuôn khổ của bài nghiên cứu, nhóm tác giả lựa chọn mô hình PENTAGON (Vehmas, Akgun, Van leeuwen, & NIJKAMP, 2010) làm công cụ đánh giá tác động của chỉ dẫn địa lý tới sự phát triển nông thôn bền vững ở Việt Nam. Mô hình này được đánh giá là một trong những mô hình đầu tiên và hiệu quả để đánh giá sự phát triển bền vững ở nông thôn (Gülümser, 2009) bởi nó giúp phân tích cả ba trụ cột của phát triển bền vững là: môi trường, xã hội và kinh tế, cùng với hai yếu tố khác là hệ thống cơ sở vật chất là hệ thống sáng tạo. Mô hình này bao gồm năm nhân tố (Hình 1) như sau:



Hình 1. Các nhân tố chính để đánh giá sự phát triển nông thôn bền vững (Akgun et al., 2015)

- *Cơ sở hạ tầng*: Bao gồm các yếu tố như hạ tầng xây dựng, công nghệ và khả năng liên kết đối với các vùng phụ cận.
- *Yếu tố xã hội*: Yếu tố này bao gồm các đặc tính xã hội như tính mở của cộng đồng địa phương, mối quan hệ trong khu vực nông thôn và sự tham gia vào các hoạt động địa phương.
- *Yếu tố kinh tế*: Phát triển nông thôn bền vững yêu cầu sự đa dạng về các ngành nghề kinh tế để tăng cường tính cạnh tranh. Ngoài ra, sự tham gia của các doanh nghiệp và tầng lớp doanh nhân tại địa phương có vai trò quan trọng trong việc tạo ra đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế ở nông thôn. Những yếu tố hỗ trợ khác như nguồn nhân lực, sự tác động

của nền kinh tế vĩ mô và những hoạt động xúc tiến thương mại cũng được coi là một phần trong yếu tố kinh tế.

- *Yếu tố môi trường*: Yếu tố này xác định vai trò của chỉ dẫn địa lý trong việc bảo tồn và phát triển điều kiện tự nhiên và hệ sinh thái của địa phương. Sản phẩm chỉ được bảo hộ chỉ dẫn địa lý khi những điều kiện tự nhiên để sản xuất ra sản phẩm được bảo tồn và duy trì. Do đó chỉ dẫn địa lý đóng vai trò xác định ra những đặc tính khác biệt của vùng địa lý, tạo khung đánh giá, kiểm soát và thúc đẩy việc bảo tồn điều kiện tự nhiên và hệ sinh thái.
- *Yếu tố sáng tạo*: Quá trình sáng tạo có một vai trò quan trọng áp dụng những tri thức ngầm hiểu thành những kết quả tốt đẹp mà người dân địa phương có thể vận dụng để thúc đẩy phát triển. Ngoài ra, việc áp dụng những đổi mới về công nghệ trong quá trình sản xuất cũng được coi là động lực cần thiết cho sự phát triển bền vững.

1.4. Mối quan hệ giữ bảo hộ chỉ dẫn địa lý và phát triển nông thôn bền vững

Cũng như nhiều quốc gia khác, Việt Nam coi chỉ dẫn địa lý là một phần trong chính sách bảo hộ chất lượng và nâng cao danh tiếng của sản phẩm tại các địa phương, qua đó gia tăng lợi ích cho cả người sản xuất và phát triển kinh tế tại vùng có sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý (Bowen, 2010; Pecqueur et al., 2008). Chỉ dẫn địa lý giúp các địa phương tận dụng được lợi thế trong quá trình thâm canh thông qua việc tạo ra những thị trường tiêu thụ sản phẩm riêng cho mình. Ngoài ra, chỉ dẫn địa lý thúc đẩy sự đa dạng bền vững trong những ngành nông nghiệp có năng suất cao. Nếu thừa nhận chỉ dẫn địa lý là một công cụ chính sách, vậy câu hỏi đặt ra là liệu chỉ dẫn địa lý có tác động tích cực trong sự phát triển nông thôn bền vững ở Việt Nam hay không?

Chỉ dẫn địa lý là một công cụ trong quản lý nông nghiệp. Do vậy, kiểm soát chặt chẽ là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự hiệu quả trong áp dụng chỉ dẫn địa lý. Để sử dụng chỉ dẫn địa lý một cách hiệu quả, những người sản xuất phải chủ động tham gia vào quá trình làm chính sách, cho nên Chính phủ và các chủ thể kinh tế ở địa phương phải có vai trò tương đương trong việc xây dựng chính sách. Trong bài nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng mô hình PENTAGON (Gülümser, 2009) để tìm ra mối liên hệ giữa bảo hộ chỉ dẫn và sự phát triển bền vững ở nông thôn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu là xác định ảnh hưởng của chỉ dẫn địa lý tới sự phát triển bền vững ở khu vực nông thôn của Việt Nam, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định

tính thông qua phỏng vấn trực tiếp. 19 cuộc phỏng vấn đã được thực hiện, trong đó bao gồm 13 cuộc phỏng vấn với các cán bộ Nhà nước ở Trung ương hoặc địa phương đang thực hiện công tác liên quan tới quản lý và hoạch định chính sách chỉ dẫn địa lý và 6 cuộc phỏng vấn với những nhà sản xuất các sản phẩm chỉ dẫn địa lý: Cam Cao Phong, Quế Trà Bồng và Trà Tân Cương.

Các cuộc phỏng vấn được thực hiện trong quý IV năm 2016. Nội dung phỏng vấn được thiết kế dựa trên mô hình PENTAGON, bao gồm 14 câu hỏi mở. Thông tin cá nhân của người tham gia phỏng vấn được giữ bảo mật, các cuộc phỏng vấn được thực hiện trong điều kiện thoải mái nhất cho người tham gia phỏng vấn. Được sự đồng ý của người tham gia, các cuộc phỏng vấn đều được ghi âm sau đó được chuyển thể toàn bộ thành văn bản. Dữ liệu phỏng vấn được phân tích bởi phần mềm NVivo 11. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong phần thực trạng dưới đây.

3. Thực trạng bảo hộ chỉ dẫn địa lý và tác động của chỉ dẫn địa lý đối với phát triển bền vững nông thôn ở Việt Nam

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đánh giá hiệu quả của việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam đồng thời xem xét sự đóng góp của chỉ dẫn địa lý tới sự phát triển bền vững của khu vực nông thôn. Dữ liệu được thu thập từ các báo cáo kinh tế trước đây, kết hợp với thông tin thu thập được qua các cuộc phỏng vấn với các hộ sản xuất sản phẩm bảo hộ chỉ dẫn địa lý, cán bộ quản lý địa phương và các nhà hoạch định chính sách liên quan tới chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam. Trong phần dưới đây, chúng tôi trình bày mối quan hệ giữa bảo hộ chỉ dẫn địa lý và sự phát triển bền vững ở nông thôn Việt Nam dựa theo mô hình PENTAGON, trong đó bao gồm 5 yếu tố: Yếu tố kinh tế, Cơ sở hạ tầng, Yếu tố xã hội, Yếu tố môi trường và Yếu tố sáng tạo.

3.1. Tác động của chỉ dẫn địa lý tới việc phát triển kinh tế địa phương

Chỉ dẫn địa lý là được coi là một thành phần quan trọng trong ngành nông nghiệp (Bramley et al., 2011). Lợi ích lớn nhất của chỉ dẫn địa lý là nâng cao danh tiếng cho sản phẩm, cụ thể hơn là góp phần gia tăng nhận biết về sản phẩm thông qua các phương thức truyền thông như truyền miệng hoặc quảng cáo (Bramley et al., 2011).

Sự gia tăng về danh tiếng thúc đẩy quá trình gia tăng năng suất kết hợp với mở rộng quy mô vùng sản xuất để đáp ứng đủ cho nhu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, hình ảnh sản phẩm được nâng lên nhằm củng cố vị trí của sản phẩm trên thị trường. Quan trọng hơn, giá bán sản phẩm cũng gia tăng nên danh tiếng sản phẩm được củng cố nhờ chỉ dẫn địa lý. Cam Cao Phong là một trong những ví dụ tiêu biểu. Theo đánh giá của các nhà hoạch định chính sách tham gia trả lời

phòng vấn, ba năm kể từ thời điểm được cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý, giá trị của Cam Cao Phong tăng lên ba lần so với trước khi đăng kí, đã góp phần cải thiện đời sống người nông dân và phát triển cơ sở hạ tầng địa phương.

Chỉ dẫn địa lý còn có tác động tích cực đến sự phát triển của những ngành dịch vụ liên quan ví dụ như du lịch sinh thái (Lun, Pechlaner, & Volgger, 2016) bởi danh tiếng của sản phẩm góp phần nâng cao danh tiếng và tính độc đáo của địa phương, qua đó hấp dẫn khách du lịch tới những địa phương này. Ví dụ, việc xây dựng những nhà máy đóng chai trên đảo Phú Quốc đã khuyến khích những nhà sản xuất nước mắm ở đây phát triển dịch vụ du lịch thăm quan các cơ sở sản xuất nước mắm tại Phú Quốc hay một số địa phương đã tổ chức các lễ hội thường niên dựa vào sản phẩm chỉ dẫn địa lý để thu hút khách du lịch, có thể kể đến như Lễ hội Cam Cao Phong, Lễ hội Quế Văn Yên, Festival Trà Thái Nguyên, Festival cafe Buôn Ma Thuột,... Những việc này góp phần vào sự phát triển du lịch sinh thái tại khu vực và tạo ra cơ hội việc làm cho người dân địa phương.

Ngoài ra, việc đăng ký chỉ dẫn địa lý giúp thay đổi cơ chế quản lý các sản phẩm đăng ký vì chỉ dẫn địa lý là tài sản chung của cộng đồng. Cụ thể là, trước khi đăng kí chỉ dẫn địa lý, các sản phẩm được quản lý tự do và riêng lẻ bởi từng người sản xuất, nhưng sau khi đăng kí, quá trình quản lý tập thể được triển khai bởi những quy định cụ thể, có sự tham gia của các cấp chính quyền và người sản xuất.

Tuy nhiên, theo quan điểm của các cán bộ làm trong cơ quan quản lý tại địa phương tham gia phỏng vấn, vẫn còn tồn tại những vấn đề lớn trong việc phát triển chỉ dẫn địa lý ở địa phương như sự trà trộn của hàng nhái, hàng giả. Thực tế, trong những vùng sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý nổi tiếng đều có sự xuất hiện của những sản phẩm tương tự nhưng được sản xuất từ vùng không có bảo hộ chỉ dẫn địa lý được bày bán dưới nhãn mác của sản phẩm được bảo hộ. Do vậy, danh tiếng của sản phẩm và vùng miền được bảo hộ chỉ dẫn địa lý sẽ bị ảnh hưởng, đồng thời có tác động xấu tới thu nhập của các hộ sản xuất tại khu vực được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

3.2. Ảnh hưởng của chỉ dẫn địa lý tới yếu tố môi trường địa phương

Chỉ dẫn địa lý coi trọng những môi trường sinh thái, đất đai, canh tác có những đặc tính khác biệt, đặc hữu của một vùng địa lý xác định, khó có thể tái tạo được ở một vùng địa lý khác, những đặc tính này mang lại những giá trị khác biệt cho sản phẩm nông nghiệp tại đây. Chỉ dẫn địa lý giúp nâng cao nhận thức về việc bảo vệ nguồn lực tự nhiên và giá trị truyền thống ở Việt Nam vì đó là điều kiện tiên quyết để sản phẩm đáp ứng điều kiện đăng kí bảo hộ chỉ dẫn địa lý

(Bramley et al., 2011). Điều kiện sản xuất tự nhiên phải đáp ứng các tiêu chuẩn trong chỉ dẫn địa lý để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Ví dụ, tỉnh Bạc Liêu với lợi thế về vị trí và khí hậu ven biển đặc trưng vì thế sản phẩm muối Bạc Liêu thu hút được rất nhiều khách hàng quốc tế, đặc biệt là Hàn Quốc. Điều kiện tự nhiên có thể suy giảm theo thời gian mà chỉ dẫn địa lý được sử dụng để xác định những giá trị nguyên bản của sản phẩm và những tính chất đặc biệt khác do điều kiện tự nhiên mang lại. Chỉ có những sản phẩm không mất đi những tính chất khác biệt của mình mới được tiếp tục bảo hộ. Do vậy xác định và bảo tồn nguồn lực tự nhiên là lợi ích trực tiếp nhờ vào đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý (Bramley et al., 2011).

Nhu cầu của thị trường về sản phẩm chỉ dẫn địa lý tăng cao yêu cầu nhà sản xuất phải mở rộng quy mô sản xuất, do đó tác động trực tiếp đến môi trường sinh thái của địa phương. Tuy chỉ khi sản phẩm nông nghiệp tuân thủ theo những điều kiện nghiêm ngặt về môi trường, điều kiện sản xuất trong chỉ dẫn địa lý thì mới được bảo hộ. Do vậy, chỉ dẫn địa lý còn có vai trò hướng dẫn, lập ra tiêu chuẩn và kiểm soát điều kiện sản xuất, hạn chế những tác động tiêu cực của thâm canh tới môi trường tự nhiên,

Theo ý kiến của các nhà hoạch định chính sách tham gia phỏng vấn của chúng tôi, sự phát triển của chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam góp phần bảo tồn những giá trị độc nhất của sản phẩm từ các vùng địa phương, đặc biệt khi vùng đó được khuyến khích sản xuất sản phẩm truyền thống. Để đạt được những mục tiêu này, chính quyền địa phương phải đóng một vai trò quan trọng trong đảm bảo và duy trì chất lượng sản phẩm thông qua bảo tồn môi trường tự nhiên của địa phương, điều kiện sản xuất cũng như sự ổn định của những chính sách liên quan. Ví dụ việc sử dụng phân bón, các loại thuốc bảo vệ thực vật đối với những sản phẩm nông nghiệp được bảo hộ chỉ dẫn được hiệp hội các nhà sản xuất và chính quyền địa phương quy định một cách chặt chẽ nhằm bảo tồn hệ sinh thái địa phương, không làm biến đổi môi trường đất và duy trì sự canh tác bền vững. Tuy nhiên, các chính quyền địa phương hiện nay đang quá tập trung vào tiềm năng thương mại của sản phẩm chỉ dẫn địa lý thay vì việc duy trì và bảo tồn các yếu tố tạo nên sản phẩm chỉ dẫn địa lý.

3.3. Tác động của chỉ dẫn địa lý tới hệ thống sáng tạo tại địa phương

Việc áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp diễn ra phổ biến trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Ở Việt Nam, VietGap và GlobalGAP là hai tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi nhất. VietGAP là tiêu chuẩn quốc gia được ban hành từ 2008, GlobalGAP là tiêu chuẩn toàn cầu. Cả hai tiêu chuẩn đều hướng tới sự đồng nhất về chất lượng của sản phẩm. Việc sử dụng hai tiêu chuẩn này khuyến khích việc áp dụng các công nghệ trong sản xuất để sản

phẩm được an toàn vệ sinh và đảm bảo chất lượng (Quacert, 2016). Qua đó giúp cho sản phẩm bảo hộ chỉ dẫn địa lý có thể gia nhập vào thị trường Mỹ và Châu Âu, nơi mà sản phẩm nông nghiệp phải trải qua rất nhiều khâu kiểm định về an toàn thực phẩm. Điều này đang trở nên phổ biến hơn khi Việt Nam gia nhập những tổ chức thương mại toàn cầu như WTO hay tham gia vào các hiệp định thương mại song phương và đa phương.

Áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn góp phần làm giảm đáng kể công sức của người sản xuất và thời gian lao, đồng thời gia tăng giá trị của sản phẩm. Ví dụ, trong một nông trại thông thường, nếu người sản xuất sử dụng phương pháp phun thuốc trừ sâu thủ công việc có thể kéo dài nhiều ngày, trong khi đó nếu sử dụng hệ thống phun thuốc tự động thì thời gian được rút ngắn đi rất nhiều, điều này góp phần hạn chế sự sinh sôi của các sinh vật gây hại và ngăn chặn sự di chuyển sang những khu vực chưa được phun thuốc, tăng hiệu quả phòng chống sâu bệnh. Ngoài ra việc áp dụng công nghệ hiện đại vào các quy trình sản xuất, bảo quản, giúp gia tăng năng suất, giảm lượng hóa chất phải sử dụng để bảo quản do đó giúp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và cắt giảm chi phí.

Ngoài những lợi ích trên, áp dụng công nghệ vào sản xuất sản phẩm nông nghiệp vẫn còn tồn tại những rào cản nhất định như tính kinh tế trên quy mô hoặc nhận thức của người sản xuất. Thêm nữa, việc áp dụng công nghệ mới vào những sản phẩm chỉ dẫn địa lý phải được kiểm soát chặt chẽ vì sản phẩm này phải được giữ được đặc tính truyền thống. Cụ thể là bên cạnh những tiêu chuẩn sản xuất riêng, các nhà sản xuất phải đảm bảo tính đặc tính địa phương của sản phẩm phải được duy trì và thống nhất. Công nghệ trong sản xuất cần được cải tiến nhưng phải theo những tiêu chuẩn trong đăng ký chỉ dẫn địa lý vì những công nghệ lạc hậu sẽ làm giảm lợi thế cạnh tranh của sản phẩm.

3.4. Tác động của chỉ dẫn địa lý tới cơ sở vật chất tại địa phương

Cơ sở vật chất ở nông thôn được cải thiện song song với sự phát triển của chỉ dẫn địa lý. Việc xây dựng các nhà máy đóng chai nước mắm, hệ thống giao thông phục vụ cho quá trình vận chuyển nước mắm ở Phú Quốc là một trong những ví dụ tiêu biểu về vai trò của chỉ dẫn địa lý thúc đẩy sự phát triển của hệ thống cơ sở vật chất tại địa phương. Ngoài ra, những khu vực khác như huyện Lục Ngạn ở Bắc Giang (chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn) hay huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam (chỉ dẫn địa lý quế Trà My) đều có sự phát triển tích cực về cơ sở hạ tầng.

Thực tế, sự kém phát triển và thiếu đầu tư là hai vấn đề đáng chú ý nhất của hệ thống cơ sở hạ tầng ở Việt Nam, nguyên nhân chủ yếu là do sự thiếu hụt ngân sách của chính quyền địa

phương. Đồng thời, Cục Sở hữu trí tuệ không thể tham gia trong toàn bộ quá trình từ đăng ký, bảo hộ đến phát triển do sự thiếu hụt về nhân lực và nguồn lực.

3.5. Tác động của chỉ dẫn địa lý các yếu tố xã hội tại địa phương

Tại Việt Nam, hệ thống xã hội liên kết chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan ở khu vực nông thôn. Nhận thức được điều này, chính quyền địa phương tại các khu vực có chỉ dẫn địa lý đã thành lập những tổ chức quản lý sản phẩm chỉ dẫn địa lý độc lập với sự tham gia của những nhà sản xuất và nhà phân phối. Do đó, chỉ dẫn địa lý thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức đại diện của sản phẩm chỉ dẫn địa lý ở khu vực địa phương, gia tăng sự tham gia và vai trò của những bên liên quan trong việc phát triển sản phẩm.

Hình vẽ tổ chức tập thể liên quan đến chỉ dẫn địa lý chủ yếu thông qua hiệp hội Theo (Reviron, Thevenod-Mottet, & El Benni 2009). Những tổ chức này ra đời nhằm tạo ra mối liên kết và trao đổi giữa những người sản xuất hoặc nhà sản xuất với nhà phân phối, nhờ đó khắc phục được nhược điểm khi sản phẩm gặp khó khăn trong việc tìm đầu ra. Có thể kể tên một số hiệp hội chỉ dẫn địa lý được thành lập như Hiệp hội nước mắm Phú Quốc, Hiệp hội thanh long Bình Thuận, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật... Xét về mặt liên kết giữa người sản xuất và nhà phân phối, gần đây một số tập đoàn bán lẻ lớn của Việt Nam, như Intimex hoặc Vinmart, đã đưa ra một mô hình mới, trong đó họ thỏa thuận sẽ bán độc quyền sản phẩm của người sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý với điều kiện sản xuất và đóng gói phải tuân theo thỏa thuận của từng doanh nghiệp.

Ngoài ra, những hiệp hội này đóng vai trò kết nối thị trường và như một bộ phận kiểm soát độc lập chất lượng của sản phẩm chỉ dẫn địa lý, đảm bảo sự phát triển bền vững. Như vậy, các thành viên sẽ thu được lợi ích từ việc gia nhập các hiệp hội thông qua sự chia sẻ kinh nghiệm và mạng lưới kinh doanh. Việc hình thành liên kết theo hiệp hội này tạo ra động lực cho sự phát triển nông thôn bền vững (Bramley et al., 2011). Tuy nhiên, vì quá trình liên kết theo hình thức tự quản chưa đủ chuyên nghiệp nên những tổ chức này chưa thuyết phục được chính quyền về hiệu quả trong hoạt động.

4. Đề xuất chính sách

Trong phần này, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm giúp Chính phủ Việt Nam hoàn thiện hơn trong việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý và gợi ý cho các đơn vị sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý nhằm hoạch định ra những kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để tận dụng những lợi thế của chỉ dẫn địa lý và thúc đẩy sự phát triển nông thôn bền vững ở Việt Nam.

4.1. Hoàn thiện khung pháp lý về chỉ dẫn địa lý

Trong 10 năm qua, chỉ dẫn địa lý đã chứng tỏ được vai trò quan trọng của mình trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam. Tuy nhiên, những người sản xuất nói chung vẫn gặp khó khăn trong việc đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nguyên nhân chính xuất phát khung pháp lý hiện tại. Vì vậy, hoàn thiện và sửa đổi khung pháp lý hiện hành để hỗ trợ cho những nhà sản xuất là việc làm cần thiết.

Cụ thể hơn, luật, nghị định, thông tư và những quy định khác cần cung cấp một quá trình chi tiết với tất cả các bước cần thiết để đăng kí chỉ dẫn địa lý. Ngoài ra các cơ quan ban hành luật cũng cần tham khảo những thông lệ và quy định quốc tế về bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ nói chung và chỉ dẫn địa lý để việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam dần bắt kịp với luật pháp chung trên toàn thế giới. Thêm vào đó, văn bản quy phạm pháp luật nên bao gồm những tiêu chí được cập nhật thường xuyên cho quản lý, giám sát và kiểm soát chỉ dẫn địa lý sau đó. Quan trọng hơn, Chính phủ cần xây dựng một bộ “Quy tắc thực hành” với những hướng dẫn cụ thể trong việc đăng ký bảo hộ và kiểm soát chất lượng của sản phẩm chỉ dẫn địa lý. Những nội dung liên quan như cơ sở kinh doanh, tiêu chuẩn kinh doanh và chất lượng sản phẩm cần được làm rõ trong các văn bản chính sách và quy định. Cục Sở hữu trí tuệ cần tiếp tục thúc đẩy nhanh quá trình đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý bằng việc trợ giúp những người sản xuất trong việc đăng ký trong nước và ở nước ngoài. Ngoài ra, các cơ quan Nhà nước cần đề ra chế tài xử phạt cụ thể và nghiêm minh để hạn chế tình trạng vi phạm nhãn hiệu của sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Phần lớn những nhà sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý là doanh nghiệp vừa và nhỏ ở địa phương. Để góp phần hỗ trợ họ, Chính phủ cần ban hành những chính sách khuyến khích sự phát triển những nhà sản xuất vừa và nhỏ này. Bên cạnh việc khuyến khích và tạo cơ hội cho những doanh nghiệp này tham gia vào chuỗi giá trị, cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương cũng cần tổ chức những khóa tập huấn và đào tạo để nâng cao khả năng và nhận thức của nhà sản xuất trong việc duy trì chất lượng và danh tiếng của sản phẩm.

4.2. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát chất lượng những chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ

Chỉ dẫn địa lý đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời tại các quốc gia Châu Âu. Do vậy hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại các quốc gia này đã được hoàn thiện và góp phần không nhỏ vào việc phát triển bền vững tại khu vực nông thôn. Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam nên học tập kinh nghiệm của các quốc gia Châu Âu. Mặc dù mức độ phát triển khác nhau giữa các

quốc gia sẽ tạo ra những sự khó khăn trong việc áp dụng kinh nghiệm quốc tế; tuy nhiên, nhà quản lý và người sản xuất ở Việt Nam có thể dựa vào đó để phát triển những chiến lược dài hạn.

Cơ chế quản lý chỉ dẫn địa lý ở Châu Âu là một ví dụ học tập tốt cho lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam. Ví dụ, ở Châu Âu, những tổ chức độc lập sẽ đứng ra đo lường và kiểm soát chất lượng sản phẩm chỉ dẫn địa lý, do đó đảm bảo tính khách quan về kết quả trước khi sản phẩm được phân phối trên thị trường. Bởi vậy, Việt Nam cần nghiên cứu thành lập các tổ chức độc lập tương tự để kiểm soát quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm chỉ dẫn địa lý nhằm gia tăng tính khách quan trong kiểm soát chất lượng. Ngoài ra, các cơ quan Nhà nước và chính quyền địa phương cũng có thể kết hợp các sự kiện quảng bá sản phẩm chỉ dẫn địa lý với những lễ hội văn hóa lớn hàng năm ở tại địa phương, chương trình quảng bá du lịch Quốc gia. Điều này sẽ làm gia tăng thương mại trong nước và xuất khẩu quốc tế của sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Cơ quan quản lý địa phương cũng cần nâng cao nhận thức của người sản xuất, người tiêu dùng và các bên liên quan tại địa phương về giá trị của chỉ dẫn địa lý để duy trì đặc tính đặc biệt của sản phẩm trong quá trình sản xuất và gia tăng việc kiểm soát chất lượng sản phẩm chỉ dẫn địa lý tại địa phương.

4.3. Đào tạo và hỗ trợ cho người sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý

Đào tạo đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng năng lực chuyên môn cho những người sản xuất, đặc biệt khi con người là yếu tố trung tâm của hệ thống chỉ dẫn địa lý. Nếu không có sự nỗ lực và hành động của người sản xuất, nhu cầu đăng ký và bảo vệ chỉ dẫn địa lý sẽ không tồn tại được lâu. Do đó các cơ quan quản lý Nhà nước, đặc biệt là tại địa phương địa phương cần tổ chức các dự án đào tạo và nâng cao năng lực của các nhà sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý.

Nội dung chương trình đào tạo có thể liên quan tới các vấn đề như giới thiệu công nghệ sản xuất, bảo quản hoặc chính sách liên quan đến sản phẩm nông nghiệp. Việc tham gia vào những khóa đào tạo này sẽ giúp người sản xuất củng cố nền tảng kiến thức và kỹ năng vốn có, tiếp thu và ứng dụng những kỹ thuật mới như kỹ năng chăm sóc, thu hoạch,... để đạt được nhiều thành công hơn trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Hơn nữa, việc này tạo ra một mạng lưới giao tiếp, trao đổi cởi mở giữa những chuyên gia trong lĩnh vực về chỉ dẫn địa lý, chất lượng sản phẩm. Để có sự có cái nhìn toàn diện và sát thực tế về nhu cầu của những người sản xuất, chính quyền địa phương cần phải tiến hành khảo sát, phỏng vấn để chuẩn bị cho những chương trình đào tạo.

Ngoài ra, chính quyền địa phương nên đóng một vai trò tích cực trong việc duy trì mối quan hệ với các tổ chức phi lợi nhuận ở Việt Nam như Oxfam hay Irish Aid bởi những tổ chức này hàng năm đều tổ chức những dự án chuyên sâu hay những khóa đào tạo ngắn hạn trong nước hoặc ở nước ngoài với chủ đề có liên quan chặt chẽ tới sự phát triển nông thôn bền vững. Bằng cách đó, người sản xuất sẽ có những cơ hội tiếp cận trực tiếp với những kinh nghiệm quốc tế để áp dụng cho sản phẩm địa phương của mình.

Bên cạnh người sản xuất, khách hàng cũng phải được nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chỉ dẫn địa lý tới nền kinh tế xã hội, cũng như tác hại của sản phẩm nhái thông qua những chương trình truyền thông. Hàng giả, hàng nhái không chỉ có ảnh hưởng tiêu cực tới người sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của người tiêu dùng. Khách hàng nên đóng vai trò quan trọng trong việc báo cáo về những hành vi vi phạm hoặc các đối tượng làm giả nếu phát hiện ra.

Kết luận

Bài viết chỉ ra mối quan hệ giữa chỉ dẫn địa lý và sự phát triển nông thôn bền vững ở Việt Nam, thông qua việc phân tích vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước các cấp và người sản xuất tại địa phương. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc bảo hộ và áp dụng chỉ dẫn địa lý có tác động lớn đến sự phát triển bền vững ở nông thôn thông qua các yếu tố như sự phát triển kinh tế, cải thiện môi trường địa phương, ứng dụng của công nghệ vào sản xuất sản phẩm chỉ dẫn địa lý, sự nâng cấp của hệ thống cơ sở vật chất và việc bảo tồn các giá trị truyền thống xã hội tại khu vực nông thôn. Tuy nhiên, ở Việt Nam vẫn còn tồn tại những điểm yếu trong việc kiểm soát và duy trì chất lượng sản phẩm chỉ dẫn địa lý sau khi được đăng ký bảo hộ, điều này dẫn tới những thiệt hại về kinh tế và danh tiếng của sản phẩm chỉ dẫn địa lý. Các tác giả đề xuất một số kiến nghị cho cơ quan quản lý Nhà nước để có thể ban hành các chính sách liên quan tới chỉ dẫn địa lý đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững tại khu vực nông thôn ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Akerlof, G. A. (1970), "The market for "Lemons": Quality uncertainty and the market mechanism", *Quarterly Journal of Economics*, 84(3), 488-500.
2. Akgun, A. A., Baycan, T., & Nijkamp, P (2015), "Rethinking on Sustainable Rural Development", *European Planning Studies*, 23(4), 678 - 692.
3. Allaire, G., & Sylvander, B (1997), "Qualité spécifique et innovation territoriale", *Cahiers d'Economie et de Sociologie Rurales*, 44,, 29-59.
4. Anders, S., & Caswell, J. A (2009), "The benefits and costs of proliferation of geographical labelling for developing countries", *Estey Centre Journal of International Law and Trade Policy*, 10(1), 77-93.
5. Berkes, F., Colding, J., & Folke, C (2003), *Navigating Social-Ecological Systems*. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Bowen, S. (2010), "Embedding local places in global spaces: Geographical indications as a territorial development strategy", *Rural Sociology*, 75(2), 209-243.
7. Bramley, C., Bienabe, E., & Kirsten, J (2011), "The Economics of Geographical Indications: Towards a Conceptual Framework for Geographical Indication Research in Developing Countries", *The Economics of Intellectual Property*(109 - 149).
8. Durand, C., & Fournier, S. (2015), "Can Geographical Indications Modernize Indonesian and Vietnamese Agriculture? Analyzing the Role of National and Local Governments and Producers' Strategies", *World Development*. doi:10.1016/j.worlddev.2015.11.022
9. Emmanuel, A., Samuel, O.-S., & Theophilus, A.-K. (2007), "Sustainability Assessment of Rural Development: A Review of Methodologies", *Studies on the Agricultural and Food Sector in Central and Eastern Europe*, 39, 18 - 27.
10. Galtier, F., Belletti, G., & Marescotti, A (2013), "Factors constraining building effective and fair geographical indications for coffee: Insights from a Dominican case study", *Development Policy Review*, 31, 597-615.
11. Gangjee, D. S. (2012), "Geographical indications and cultural heritage", *WIPO Journal*, 4, 92-102.
12. Gülümser, A. A (2009), *Rural areas as promising hot spots: sustainable development scenarios*, (PhD Thesis), Istanbul Technical University, Istanbul.
13. Kireeva, I., & O'Connor, B. (2010), "Geographical Indications and the TRIPS Agreement: What Protection is Provided to Geographical Indications in WTO Members?", *Journal Of World Intellectual Property*, 13(2), 275-303.

14. Lun, L.-M., Pechlaner, H., & Volgger, M (2016), "Rural Tourism Development in Mountain Regions: Identifying Success Factors, Challenges and Potentials', *Journal of Quality Assurance in Hospitality and Tourism*, 17(4), 389 - 411.
15. NOIP (2016), *Maps of Geographical Indications in Vietnam*, doi:[http://noip.gov.vn/web/noip/home/vn?proxyUrl=/NOIP/RESOURCE.NSF/vwResourceList/A0DC504F9D155F324725776D0026E5A0/\\$FILE/index_vn.html](http://noip.gov.vn/web/noip/home/vn?proxyUrl=/NOIP/RESOURCE.NSF/vwResourceList/A0DC504F9D155F324725776D0026E5A0/$FILE/index_vn.html).
16. Pecqueur, B., Hirczak, M., Moalla, M., Mollard, A., Rambolinaza, T., & Vollet, D (2008), "From the basket of goods to a more general model of territorialized complex goods: Concepts, analysis grid and questions", *Canadian Journal of Regional Science*, 31(2), 241-259.
17. Quacert (2016), DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY (Publication no. Available at: <http://www.quacert.gov.vn/en/home.h6.html> [Accessed 16 January 2017]).
18. Reviron, S., Thevenod-Mottet, E., & El Benni, N (2009), "Geographical Indications: Creation and Distribution of Economic Value in Developing Countries", *NCCR Trade Working Papers*, 14.
19. Tran, C. T (2014), *Overview of agricultural policies in Vietnam*, Retrieved from
20. Vehmas, J., Akgun, A. A. G., Van leeuwen, E., & NIJKAMP, P (2010), *Synergies in Multi-scale Inter-Linkages of Eco-social systems. Socioeconomic Sciences and Humanities (SSH) Collaborative Project*, Retrieved from
21. Vittori, M (2010), "The international debate on geographical indications (GIs): The point of view of the global coalition of GI producers", *Journal Of World Intellectual Property*, 13(2), 304-314.
22. Vu, T. B., & Dao, D. H (2006), "Geographical indication and appellation of origin in Vietnam: Reality, policy, and perspective", *Hanoi: Institute of Policy and Strategy for Agricultural and Rural Development*.
23. WTO (1994), *Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights (TRIPS Agreement)*, Retrieved from.